TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG T** **TỈNH THỪA THIÊN H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 117/2019/ QĐST-HNGĐ	*Hương Trà, ngày 06 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 113/2019/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh ***Cao Xuân Kh***, sinh năm 1983; địa chỉ: TDP Giáp Nhất (TDP 4), phường Hương Văn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị ***Dương Thị Phương Á***, sinh năm 1985; địa chỉ: 1/36 Bao Vinh, xã Hương Vinh, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Xuân Kh và chị Dương Thị Phương Á thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của anh Kh, chị Á trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Kh, chị Á.

[2] Về con chung: Anh Cao Xuân Kh và chị Dương Thị Phương Á có 02 người con chung tên là Cao Khánh U, sinh ngày 23/6/2010 và Cao Hải Đ, sinh ngày 21/9/2014. Anh Kh, chị Á thỏa thuận là giao 02 cháu cho anh Kh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; chị Á cấp dưỡng cho 02 cháu mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi cháu 1.500.0000 đồng/tháng).

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Cao Xuân Kh và chị Dương Thị Phương Á khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Toà án: Anh Cao Xuân Kh phải chịu 150.000 đồng, chị Dương Thị Phương Á phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Xuân Kh và chị Dương Thị Phương Á thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 cháu Cao Khánh U, sinh ngày 23/6/2010 và Cao Hải Đ, sinh ngày 21/9/2014 cho anh Kh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; chị Á cấp dưỡng cho 02 cháu mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi cháu 1.500.0000 đồng/tháng) kể từ khi Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ sau ly hôn đối với con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Cao Xuân Kh và chị Dương Thị Phương Á không yêu cầu nên Toà án không phải giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn: Anh Cao Xuân Kh và chị Dương Thị Phương Á phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền anh Kh, chị Á đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng theo Biên lai số 7313 ngày 02/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương T. Anh Kh, chị Á đã nộp đủ.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với khoản tiền chưa thi hành cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TT. H;*
- *VKSND TX. Hương T;*
- *Chi cục THADS TX. Hương T;*
- *UBND phường Hương V;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*